

Bản án số: 42/2017/DS-ST

Ngày: 08/8/2017

V/v: “*Đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Bích Liễu**

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông **Ngô Tiến Thành**,

2. Bà **Nguyễn Thị Tĩnh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2017 về việc “***Đòi lại tài sản***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2017/QĐST-DS ngày 19/7/2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Minh H1**

Địa chỉ: Số 35/4 Lý Nam Đế, phường Phước Long, Nha Trang. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông **Hà Văn Đ**

Bà **Nguyễn Thị Ngọc H2**

Cùng địa chỉ: 22 Bửu Đóa, phường Phước Long, Nha Trang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2017, bản tự khai ngày 28/02/2017, ngày 03/7/2017 nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Minh H1 trình bày: Ngày 12/6/2011, vợ chồng ông Hà Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H2, trú tại số 22 Bửu Đóa, phường Phước Long, Nha Trang viết giấy vay tiền của bà Nguyễn Thị Minh H1, tổng cộng số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), chia làm hai lần:

- Lần 1: Ngày 12/5/2011, ông Đ và bà H vay của bà H1 20.000.000đ;

- Lần 2: Ngày 21/5/2011, ông Đ và bà H2 vay của bà H1 30.000.000đ.

Tổng cộng hai lần vay là 50.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, không thỏa thuận lãi vay.

Từ khi đến hạn trả nợ và Tòa án bắt đầu thụ lý giải quyết vụ án, bà H1 đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện và đến nhà của vợ chồng ông Đ, bà H2 ở số 22 Bửu Đóa, phường Phước Long, Nha Trang để đòi tiền nhưng vợ chồng ông Đ, bà H2 né

tránh và không trả nợ. Nay bà H1 yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà H2 trả cho bà số tiền tổng cộng là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), trả một lần, không tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã tiến hành xác minh và thực hiện việc tổng đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng vợ chồng ông Đ, bà H2 không có ý kiến trình bày do vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000đ, trả một lần và không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. *Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án tranh chấp về dân sự, bị đơn có địa chỉ cư trú tại số 22 Bửu Đóa, phường Phước Long, Nha Trang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. *Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện:* Quan hệ tranh chấp được xác lập bằng giấy vay tiền vào ngày 12/6/2011 giữa bà Nguyễn Thị Minh H1 và vợ chồng ông Hà Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H2, thời hạn vay là 06 tháng. Đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự, thời hiệu khởi kiện là 03 năm theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Đến ngày 10/02/2017, bà Nguyễn Thị Minh H1 khởi kiện. Thời hiệu khởi kiện đã hết. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: “*Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, về đòi lại tài sản, đòi lại quyền sử dụng đất do người khác quản lý, chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện*”. Như vậy, đây là tranh chấp về đòi lại tài sản và không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự 2015.

1.3. *Về trình tự thủ tục:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do. Ngày 13/02/2017, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang gửi Thông báo thụ lý vụ án số 63/2017/TB-TLVA ngày 13/02/2017 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 13/02/2017 đến địa chỉ số 22 Bửu Đóa, phường Phước Long, Nha Trang. Đến ngày 16/02/2017, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang nhận được Đơn yêu cầu hủy bỏ quyết định kê biên tạm thời của ông Hà Văn Đ, cho thấy vợ chồng ông Đ, bà H2 vẫn còn cư trú tại địa chỉ số 22 Bửu Đóa, phường Phước Long, Nha Trang và biết được Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đang thụ lý giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có thay đổi địa chỉ hay không, Tòa án không nắm được vì họ không thông báo

cho Tòa án biết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự: “... Nếu họ không thông báo cho Tòa án biết về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới thì Tòa án thực hiện theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 của Bộ luật này”, thì Tòa án tiến hành niêm yết công khai tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, Ủy ban nhân dân phường Phước Long, thành phố Nha Trang và tại địa chỉ nơi ở của ông Hà Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 tại số 22 Bửu Đóa, phường Phước Long, Nha Trang theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Giữa bà Nguyễn Thị Minh H1 và vợ chồng ông Hà Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 có mối quan hệ quen biết, vợ chồng ông Đ, bà H2 có vay tiền của bà H1 hai lần: Lần 1: Ngày 12/5/2011, vay 20.000.000đ; Lần 2: Ngày 21/5/2011, vay 30.000.000đ. Ngày 12/6/2011, vợ chồng ông Đ, bà H2 viết giấy vay tiền tổng cộng hai lần vay là 50.000.000đ, ấn định thời hạn vay là 06 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Khi vay tiền, ông Đ, bà H2 không thể chấp tài sản, đồ vật gì.

2.2. Đây là giao dịch vay tài sản là tiền thuộc hợp đồng dân sự do hai bên đương sự tự nguyện thực hiện. Khoản vay 50.000.000đ được giao kết bằng văn bản và được lập thành văn bản là giấy vay tiền, có ấn định thời hạn vay. Khi vay, bên vay không không bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Người ký kết hợp đồng vay là vợ chồng ông Đ, bà H2 là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch này phù hợp với quy định của pháp luật dân sự.

2.3. Giữa hai bên có giao kết hợp đồng, có sự thỏa thuận khi giao kết. Tuy nhiên, khi đến thời hạn thanh toán, vợ chồng ông Đ, bà H2 đã không thanh toán cho bà H1 số tiền như đã thỏa thuận. Bà H1 đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà H2 trả nợ nhưng vợ chồng ông Đ, bà H2 không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết. Bà H1 khởi kiện “Đòi lại tài sản” để yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà H2 trả lại 50.000.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

2.4. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà H1 yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà H2 trả lại số tiền 50.000.000đ một lần theo giấy vay tiền ngày 12/6/2011. Vợ chồng ông Đ, bà H2 đã mượn tài sản là tiền nhưng vi phạm về nghĩa vụ trả lại tài sản. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận, buộc ông Hà Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh H1 số tiền nợ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.5. Về án phí:

- Ông Hà Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là $50.000.000đ \times 5\% = 2.500.000đ$ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Minh H1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại số tiền 50.000.000đ; tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 256, Điều 298 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 179, 185, 227, 228, 233, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Hà Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh H1 số tiền nợ 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 13/02/2017 về việc: “Phong tỏa số tiền 50.000.000đ trong tổng số tiền 107.012.400đ của ông Hà Văn Đ được chi trả theo Quyết định nghỉ hưu số 998/QĐ-CAT-PX13, phiếu thanh toán chế độ trợ cấp số 1711/TTTC-CAT-PX13 ngày 28/12/2016”.

3. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Minh H1 số tiền 50.000.000đ buộc thực hiện biện pháp bảo đảm mà Phòng giao dịch số 3, Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Khánh Hòa đã phong tỏa tài khoản theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 04016128 phát hành ngày 13/02/2017 số tiền 50.000.000đ của bà Nguyễn Thị Minh H1, theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2017/QĐ-BPBD ngày 13/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Án phí:

- Ông Hà Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là $50.000.000đ \times 5\% = 2.500.000đ$ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Minh H1 số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0006038 ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

* *Quy định:* Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Nha Trang;
- Đương sự;
- Chi cục THADS NT;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND P.Phước Long, Nha Trang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Bích Liễu